



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THIẾT
BỊ TRƯỜNG HỌC HÀ TĨNH**
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất	5
Các Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
• Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 28.03.000151 ngày 12 tháng 11 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/09/2014 với mã số doanh nghiệp là 3000106354.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/02/2008 với mã chứng khoán là HBE theo Quyết định số 72 ngày 01/02/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Công ty con

- Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE thành lập ngày 05/06/2012 với vốn điều lệ 13.500.000.000 đồng do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH MTV Thương mại HBE thành lập ngày 13/11/2012 với vốn điều lệ 4.500.000.000 đồng do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 22.310.580.000 đồng.

Vốn góp thực tế tại thời điểm 30/06/2014: 22.310.580.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 58 Phan Đình Phùng, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 039.856787
- Fax: (84) 039.852352
- Website: www.hbec.com.vn
- Email: gdhbec@gmail.com

Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý. Chi tiết: Đại lý sách và thiết bị trường học, văn phòng phẩm và hàng thương mại khác (trừ những mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- In ấn. Chi tiết: In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Môi giới. Chi tiết: Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và các loại môi giới nhà nước cấm);
- Đại lý du lịch;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Nhà hàng, quán ăn, nhà hàng ăn uống;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Liên kết đào tạo, nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ, đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Dạy nghề. Chi tiết: Dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc văn phòng.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 30/06/2014 là 4 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 2 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Hoàng Lê Bách | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 09/09/2014 |
| • Ông Hồ Gia Bảo | Quyền Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 17/04/2014 |
| | | Từ nhiệm ngày 18/05/2014 |
| • Ông Hồ Phương Nam | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 15/05/2013 |
| | | Miễn nhiệm ngày 17/04/2014 |
| | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 22/08/2014 |
| • Ông Đồng Văn Hùng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 22/08/2014 |
| • Ông Lê Anh Quân | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 22/08/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Vân | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 22/08/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 11/04/2010 |
| | | Từ nhiệm ngày 20/04/2014 |
| • Bà Hồ Thị Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 11/04/2010 |
| | | Từ nhiệm ngày 20/04/2014 |
| • Ông Nguyễn Thái Toại | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 11/04/2010 |
| | | Từ nhiệm ngày 18/05/2014 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

• Bà Nguyễn Thị Yến	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 18/05/2014
• Bà Nguyễn Thị Lan	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 18/05/2014
• Bà Đào Thị Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/05/2014
• Bà Trương Thị Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/10/2010 Từ nhiệm ngày 18/05/2014

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Bà Trần Thị Thu Hà	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/09/2014
• Ông Hồ Phương Nam	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/05/2014 Miễn nhiệm ngày 09/09/2014
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/04/2010 Miễn nhiệm ngày 13/05/2014
• Ông Hồ Gia Bảo	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/04/2010 Miễn nhiệm ngày 12/05/2014
• Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc Kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 09/09/2014 Bổ nhiệm lại ngày 09/09/2014

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Sự kiện phát sinh trong kỳ

Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 vào ngày 18/05/2014 đã tiến hành biểu quyết và không thông qua 5 nội dung cụ thể như sau:

1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013.
2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2013.
3. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2013.
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, giải pháp trọng tâm và cổ tức năm 2014.
5. Danh sách Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014-2019.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Quyền Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hà
Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 09 năm 2014



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dnng.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 1159/2014/BCSX-AAC

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 09 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tĩnh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, được lập ngày 15/09/2014 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 33. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Một số khoản nợ phải thu 2.540.055.741 đồng, nợ phải trả 2.711.443.325 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 30/06/2014. Kiểm toán viên đã sử dụng thủ tục kiểm toán thay thế bằng cách gửi thư xác nhận công nợ, nhưng đến thời điểm hiện nay, chúng tôi vẫn chưa nhận được sự phản hồi từ phía các bên liên quan. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản nợ nêu trên.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ sự ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Nguyễn Trọng Hiếu – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán: 0391-2013-010-1
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 09 năm 2014

Lâm Quang Tú

Lâm Quang Tú – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán: 1031-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số B 01 – DN/HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.722.446.998	9.728.264.449
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.351.995.037	1.161.595.048
1. Tiền	111	5	1.351.995.037	1.161.595.048
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.059.065.077	3.593.226.166
1. Phải thu khách hàng	131		3.004.899.836	3.012.146.267
2. Trả trước người bán	132		12.000.000	28.489.851
3. Các khoản phải thu khác	135	6	1.291.208.132	1.424.580.385
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.249.042.891)	(871.990.337)
IV. Hàng tồn kho	140		6.811.641.552	4.467.357.712
1. Hàng tồn kho	141	7	7.330.191.516	4.785.374.290
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(518.549.964)	(318.016.578)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		499.745.332	506.085.523
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	158.196.124	223.432.153
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		44.749.163	13.236.625
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	46.120.445	46.120.445
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	250.679.600	223.296.300
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			20.816.524.250	22.455.899.370
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.548.340.970	17.160.945.728
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	16.548.340.970	17.160.945.728
- Nguyên giá	222		19.272.052.880	19.452.297.199
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.723.711.910)	(2.291.351.471)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		32.000.000	32.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32.000.000)	(32.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	240	13	2.588.540.625	2.386.323.980
- Nguyên giá	241		3.536.061.148	3.192.269.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(947.520.523)	(805.945.883)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		830.337.500	1.039.614.020
1. Đầu tư dài hạn khác	258	14	830.337.500	1.039.614.020
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		849.305.155	1.869.015.642
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	843.982.208	1.869.015.642
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.322.947	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		31.538.971.248	32.184.163.819

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2014

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
A.	Nợ phải trả	300		11.494.955.078	8.273.383.216
I.	Nợ ngắn hạn	310		9.258.216.665	6.432.462.163
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	16	2.900.823.480	989.473.684
2.	Phải trả người bán	312		4.645.714.751	3.645.810.951
3.	Người mua trả tiền trước	313		99.393.883	9.266.608
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	114.540.646	176.487.132
5.	Phải trả người lao động	315		195.725.970	474.226.200
6.	Chi phí phải trả	316	18	26.957.844	30.760.147
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	1.228.054.679	1.073.936.431
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		47.005.412	32.501.010
II.	Nợ dài hạn	330		2.236.738.413	1.840.921.053
1.	Vay và nợ dài hạn	334	20	1.840.921.053	1.840.921.053
2.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		395.817.360	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.044.016.170	23.910.780.603
I.	Vốn chủ sở hữu	410		20.044.016.170	23.910.780.603
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	22.310.580.000	22.310.580.000
2.	Vốn khác của chủ sở hữu	413	21	637.870.381	637.870.381
3.	Quỹ đầu tư phát triển	417	21	290.353.720	281.766.077
4.	Quỹ dự phòng tài chính	418	21	267.025.800	267.025.800
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	(3.461.813.731)	413.538.345
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
C.	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		430		31.538.971.248	32.184.163.819

Quyền Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Thu Hằng

Hồ Thị Hà

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 09 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	9.707.940.680	12.310.200.937
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	22.405.322	37.202.351
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10	22	9.685.535.358	12.272.998.586
4. Giá vốn hàng bán	11	23	8.131.547.998	10.077.475.993
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		1.553.987.360	2.195.522.593
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	89.192.831	516.880.142
7. Chi phí tài chính	22	25	781.305.237	562.666.015
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		775.617.345	371.352.838
8. Chi phí bán hàng	24		1.196.687.496	871.774.595
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.806.121.070	1.544.159.881
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.140.933.612)	(266.197.756)
11. Thu nhập khác	31	26	131.317.577	201.300.982
12. Chi phí khác	32	27	418.093.730	177.536.127
13. Lợi nhuận khác	40		(286.776.153)	23.764.855
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, L.doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	28	(3.427.709.765)	(242.432.901)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	13.155.853	32.741.520
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	390.494.413	6.486.106
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	28	(3.831.360.031)	(281.660.527)
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	28	-	4.765.281
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	28	(3.831.360.031)	(286.425.808)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(1.717)	(128)

Quyền Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hà
Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 09 năm 2014

Nguyễn Thị Thu Hằng

Hồ Thị Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cc dịch vụ và doanh thu khác	01	10.153.663.829	12.087.446.889
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(8.739.742.536)	(12.662.678.850)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.722.706.863)	(2.931.109.484)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(206.320.541)	(393.272.588)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(85.743.970)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	498.521.170	928.345.492
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(617.447.752)	(1.336.120.255)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.719.776.663)	(4.307.388.796)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(290.700.000)	(1.937.959.170)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	80.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.000.000)	(2.121.894.210)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	229.276.520	1.910.843.523
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.900.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	80.250.336	396.559.134
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.173.144)	1.227.549.277
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	1.900.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.123.866.443	7.772.983.809
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.212.516.647)	(6.494.784.052)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.911.349.796	3.178.199.757
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	190.399.989	98.360.238
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	1.161.595.048	881.510.607
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	1.351.995.037	979.870.845

Quyền Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Thu Hằng

Hồ Thị Hà

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 09 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 28.03.000151 ngày 12 tháng 11 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/09/2014 với mã số doanh nghiệp là 3000106354.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/02/2008 với mã chứng khoán là HBE theo Quyết định số 72 ngày 01/02/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý. Chi tiết: Đại lý sách và thiết bị trường học, văn phòng phẩm và hàng thương mại khác (trừ những mặt hàng nhà nước cấm kinh doanh);
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- In ấn. Chi tiết: In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Môi giới. Chi tiết: Môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản và các loại môi giới nhà nước cấm);
- Đại lý du lịch;
- Nhà hàng, quán ăn, nhà hàng ăn uống;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Liên kết đào tạo, nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ, đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Dạy nghề. Chi tiết: Dạy nghề kỹ thuật tổng hợp;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc văn phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty con được hợp nhất:

Công ty TNHH MTV Giáo dục HBE

- Địa chỉ, trụ sở chính: Đường Hoàng Hà, Thôn Tân Trung, Xã Thạch Trung, Thành Phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục thể thao và giải trí; Giáo dục văn hóa nghệ thuật; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 100%.

Công ty TNHH MTV Thương mại HBE

- Địa chỉ trụ sở chính: 58 Phan Đình Phùng, Tổ 6, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Buôn bán sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Đại lý; Môi giới; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 100%.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Các công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	8
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

4.8 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

4.9 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

4.10 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.13 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.14 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ❖ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ❖ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ❖ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ❖ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ü Đối với sách giáo khoa và sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, đào tạo: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ü Đối với hoạt động bán thiết bị dạy học, từ điển: Áp dụng mức thuế suất là 5%.
 - ü Đối với hoạt động bán văn phòng phẩm và thiết bị khác...: Áp dụng mức thuế suất là 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ü Áp dụng mức thuế suất là 22%.
 - ü Đối với dự án trường mầm non Hoa Sen được ưu đãi theo Giấy chứng nhận đầu tư số 28121000031 ngày 10/11/2008 do UBND Tỉnh Hà Tĩnh cấp. Theo đó, dự án này được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 5 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2009 là năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế, do đó dự án được miễn thuế 4 năm (2009 - 2012) và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo (2013 - 2017).
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng, khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5. Tiền

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	287.675.011	189.211.578
Tiền gửi ngân hàng	1.064.320.026	972.383.470
Cộng	<u>1.351.995.037</u>	<u>1.161.595.048</u>

6. Các khoản phải thu khác

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	-	5.110.267
Hoàng Ngọc Tài	18.946.968	18.946.968
Công ty TNHH Công nghiệp HBE	167.743.071	151.307.684
Phải thu cá nhân vay mua cổ phiếu (lãi + gốc)	963.984.434	1.017.108.184
Lãi dự thu	-	5.159.067
Các khoản phải thu khác	140.533.659	226.948.215
Cộng	<u>1.291.208.132</u>	<u>1.424.580.385</u>

7. Hàng tồn kho

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	23.740.134	13.703.196
Hàng hóa	7.306.451.382	4.771.671.094
Cộng	<u>7.330.191.516</u>	<u>4.785.374.290</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	69.470.161	181.014.144
Bảo hiểm xe ô tô	34.451.250	29.775.728
Chi phí sửa chữa	35.870.000	-
Chi phí khác chờ phân bổ	18.404.713	12.642.281
Cộng	158.196.124	223.432.153

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế TNDN nộp thừa	46.120.445	46.120.445
Cộng	46.120.445	46.120.445

10. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tạm ứng	150.679.600	173.296.300
Thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	100.000.000	50.000.000
Cộng	250.679.600	223.296.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	17.182.061.665	160.980.534	2.074.255.000	35.000.000	19.452.297.199
Mua sắm trong kỳ	-	-	290.700.000	-	290.700.000
Chuyển sang BĐS đầu tư	343.791.285	-	-	-	343.791.285
Thanh lý	-	127.153.034	-	-	127.153.034
Số cuối kỳ	16.838.270.380	33.827.500	2.364.955.000	35.000.000	19.272.052.880
Khấu hao					
Số đầu năm	1.404.508.445	79.906.493	805.186.533	1.750.000	2.291.351.471
Khấu hao trong kỳ	368.252.383	6.087.751	193.762.380	3.500.000	571.602.514
Chuyển sang BĐS đầu tư	59.590.489	-	-	-	59.590.489
Thanh lý	-	79.651.586	-	-	79.651.586
Số cuối kỳ	1.713.170.339	6.342.658	998.948.913	5.250.000	2.723.711.910
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	15.777.553.220	81.074.041	1.269.068.467	33.250.000	17.160.945.728
Số cuối kỳ	15.125.100.041	27.484.842	1.366.006.087	29.750.000	16.548.340.970

- Ủ Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2014 là 0 đồng.
- Ủ Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2014: 11.754.320.614 đồng.
- Ủ Trong kỳ, Công ty thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc từ 50 năm xuống 25 năm. Theo đó, chi phí khấu hao trong kỳ tăng lên 196.350.984 đồng so với mức khấu hao cũ.

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	32.000.000	32.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	32.000.000	32.000.000
Khấu hao		
Số đầu năm	32.000.000	32.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	32.000.000	32.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối kỳ	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	715.204.000	2.477.065.863	3.192.269.863
TSCĐ HH chuyển thành BĐS đầu tư	-	343.791.285	343.791.285
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	715.204.000	2.820.857.148	3.536.061.148
Khấu hao			
Số đầu năm	-	805.945.883	805.945.883
TSCĐ HH chuyển thành BĐS đầu tư	-	59.590.489	59.590.489
Khấu hao trong kỳ	-	81.984.151	81.984.151
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	947.520.523	947.520.523
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	715.204.000	1.671.119.980	2.386.323.980
Số cuối kỳ	715.204.000	1.873.336.625	2.588.540.625

(*) Là quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích 172,8 m² tại 58 Phan Đình Phùng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG481394 ngày 13/05/2013 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh.

Trong kỳ, Công ty thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc từ 50 năm xuống 25 năm. Theo đó, chi phí khấu hao trong kỳ tăng lên 50.337.666 đồng so với mức khấu hao cũ.

14. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Cho cán bộ nhân viên vay	830.337.500	1.039.614.020
Cộng	830.337.500	1.039.614.020

(*) Là khoản cho cán bộ công nhân viên vay mua cổ phần phát hành thêm năm 2010. Theo các cam kết vay tiền ngày 30/12/2009, lãi suất vay 1%/tháng. Trong 6 tháng tính từ ngày 01/2010, Công ty và các cá nhân vay vốn sẽ phối hợp bán cổ phiếu để trả tiền gốc và lãi vay cho Công ty. Sau 6 tháng, nếu cổ phiếu tương ứng với số tiền vay chưa được bán, Công ty và các cá nhân vay tiền sẽ có qui định phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho các cá nhân và Công ty. Theo đó, đến ngày 30/06/2013 Công ty và các cá nhân này đã thống nhất gia hạn thời hạn vay từ 36 tháng đến 60 tháng kể từ ngày 01/07/2012, lãi suất 1%/tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	495.710.498	1.106.237.213
Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (*)	188.622.106	190.832.521
Lãi vay chờ UBND Tỉnh Hà Tĩnh hỗ trợ	-	571.945.908
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	159.649.604	-
Cộng	843.982.208	1.869.015.642

(*) Là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của 2.677,1 m² tại Phường Thạch Quý, Thành phố Hà Tĩnh. Đây là thửa đất thuê của Nhà nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB450981 ngày 02/07/2011 của Sở Tài nguyên Tỉnh Hà Tĩnh. Thời gian thuê đất đến 01/03/2056, tiền thuê đất trả hàng năm. Mảnh đất đang được sử dụng làm nhà kho.

16. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	2.496.086.638	450.000.000
- Ngân hàng Ngoại thương Hà Tĩnh	2.086.086.638	-
- Vay các đối tượng khác (cá nhân)	410.000.000	450.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (Ngân hàng Á Châu - CN Hà Tĩnh)	404.736.842	539.473.684
Cộng	2.900.823.480	989.473.684

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	14.484.183	43.716.013
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.489.963	80.078.080
Thuế thu nhập cá nhân	634.000	4.291.539
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	91.932.500	48.401.500
Cộng	114.540.646	176.487.132

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

18. Chi phí phải trả

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi vay dự trả	19.195.044	21.844.147
Chi phí phải trả khác	7.762.800	8.916.000
Cộng	26.957.844	30.760.147

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	20.985.952	-
Kinh phí công đoàn	109.246.772	108.025.124
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	108.593.954	32.729.001
Các khoản phải trả, phải nộp khác	989.228.001	933.182.306
- <i>Sở Tài chính (*)</i>	<i>550.000.000</i>	<i>550.000.000</i>
- <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>439.228.001</i>	<i>383.182.306</i>
Cộng	1.228.054.679	1.073.936.431

(*) Phải trả khác Sở Tài chính Hà Tĩnh phát sinh từ 2 hợp đồng vay vốn giữa Công ty CP Sách TBTH Hà Tĩnh và Sở Tài chính Hà Tĩnh, cụ thể:

- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn ngày 03/02/2005, số tiền vay là 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 năm bắt đầu từ ngày 03/02/2005 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Xây dựng đề án ứng dụng công nghệ thông tin.
- Hợp đồng vay vốn trung dài hạn ngày 05/06/2006, số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 2 năm bắt đầu từ ngày 05/06/2006 với lãi suất 0%. Mục đích vay: Đầu tư dự án xây dựng kho và xưởng sản xuất thiết bị giáo dục – đồ chơi trẻ em.

20. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Tĩnh	1.840.921.053	1.840.921.053
Cộng	1.840.921.053	1.840.921.053

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hà Tĩnh theo hợp đồng tín dụng số HT1.DN 01100912 ngày 10 tháng 9 năm 2012 với thời hạn 10 năm. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Hợp đồng vay được đảm bảo bởi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 01 tại Xóm Tân Trung, Xã Thạch Trung, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LNST chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2013	22.310.580.000	637.870.381	281.766.077	267.025.800	465.305.268
Tăng trong năm	-	-	-	-	(51.766.923)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2013	22.310.580.000	637.870.381	281.766.077	267.025.800	413.538.345
Số dư tại 01/01/2014	22.310.580.000	637.870.381	281.766.077	267.025.800	413.538.345
Tăng trong kỳ	-	-	8.587.643	-	(3.831.360.031)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	43.992.045
Số dư tại 30/06/2014	22.310.580.000	637.870.381	290.353.720	267.025.800	(3.461.813.731)

b. Cổ phiếu

	30/06/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu phổ thông	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu phổ thông	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu phổ thông	2.231.058	2.231.058
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	413.538.345	465.305.268
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.831.360.031)	(51.766.923)
Phân phối lợi nhuận	43.992.045	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	43.992.045	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	8.587.643	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	35.404.402	-
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Cộng	(3.461.813.731)	413.538.345

22. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Tổng doanh thu	9.707.940.680	12.310.200.937
- Sách giáo khoa, sách tham khảo	1.414.228.252	4.222.643.952
- Văn phòng phẩm	2.416.759.321	2.762.911.155
- Thiết bị đồ chơi	1.335.006.748	1.775.969.830
- Doanh thu Trường mầm non	4.330.124.229	3.548.676.000
- Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác	211.822.130	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	22.405.322	37.202.351
+ Hàng bán bị trả lại	22.405.322	37.202.351
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.685.535.358	12.272.998.586

23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	1.164.733.076	3.700.943.051
Giá vốn văn phòng phẩm	1.996.670.162	2.342.627.865
Giá vốn thiết bị đồ chơi	1.103.306.665	1.391.893.025
Giá vốn Trường mầm non	3.426.736.577	2.642.012.052
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ khác	129.206.923	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	310.894.595	-
Cộng	8.131.547.998	10.077.475.993

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	75.091.269	244.297.251
Chiết khấu thanh toán được hưởng	14.101.562	9.582.891
Tiền chuyển nhượng vốn đầu tư năm 2012 thu thêm	-	263.000.000
Cộng	89.192.831	516.880.142

25. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	203.671.438	371.352.838
Lãi vay của các năm trước phân bổ (*)	571.945.907	190.628.640
Chi phí tài chính khác	5.687.892	684.537
Cộng	781.305.237	562.666.015

(*) Là chi phí lãi vay năm 2009, 2010 phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng Trường mầm non Hoa Sen

26. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Thu nhập từ bán thanh lý tài sản cố định	-	72.727.273
Thu nhập từ cho thuê nhà nội trú	-	15.681.819
Khuyến mãi được hưởng	124.091.338	95.657.159
Các khoản thu nhập khác	7.226.239	17.234.731
Cộng	131.317.577	201.300.982

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

27. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Thanh lý hàng kém phẩm chất	369.977.856	-
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	177.535.012
Giá trị còn lại của tài sản cố định hủy bỏ	47.501.448	-
Các khoản chi phí khác	614.426	1.115
Cộng	418.093.730	177.536.127

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.427.709.765)	(242.432.901)
Điều chỉnh các khoản để xác định TN chịu thuế	(1.169.326.203)	724.294.179
+ Các khoản điều chỉnh tăng	629.843.613	751.448.617
- Lãi vay tương ứng với vốn điều lệ góp thiếu	-	14.400.000
- Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	1.802.490	-
- Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	603.845.908	198.178.640
- Lợi nhuận chưa thực hiện	24.195.215	3.025.038
- Lỗ tại công ty mẹ và công ty con	-	535.844.939
+ Các khoản điều chỉnh giảm	1.799.169.816	27.154.438
- Hoàn nhập dự phòng đã trích lập	1.799.169.816	27.154.438
Tổng thu nhập chịu thuế	(4.597.035.968)	481.861.278
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.311.706	54.672.470
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	13.155.853	21.930.950
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.155.853	32.741.520
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	390.494.413	6.486.106
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(3.831.360.031)	(281.660.527)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	-	4.765.281
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	(3.831.360.031)	(286.425.808)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.831.360.031)	(286.425.808)
+ Các khoản đc tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
+ Lợi nhuận/Lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	(3.831.360.031)	(286.425.808)
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.231.058	2.231.058
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.717)	(128)

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	887.309.476	1.040.638.586
Chi phí nhân công	2.679.717.630	2.375.655.037
Chi phí khấu hao tài sản cố định	653.586.665	436.589.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài	682.522.715	1.134.187.721
Chi phí khác bằng tiền	637.908.374	485.300.862
Cộng	5.541.044.860	5.472.371.634

31. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá và lãi suất.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Đối với lĩnh vực thương mại, Công ty mua hàng chủ yếu từ các Công ty thuộc hệ thống Nhà Xuất bản Việt Nam. Trong đó mặt hàng chủ yếu là sách giáo khoa và sách tham khảo; do đó chịu sự rủi ro từ việc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

thay đổi tỷ lệ chiết khấu trên giá bìa. Chính sách chiết khấu sẽ thay đổi theo thời hạn thanh toán, theo phương thức mua trả tiền mặt hay mua nợ. Để có được tỷ lệ chiết khấu cao, Công ty có chính sách thu hồi công nợ và huy động nguồn vốn vay để tối đa hóa lợi ích từ chiết khấu được hưởng.

Đối với lĩnh vực đào tạo mầm non chi phí chính là chi phí nhân công, các chi phí nguyên liệu thực phẩm, nhiên liệu; nếu có biến động lớn thì giá dịch vụ suất ăn và đưa đón cũng biến động theo nên Ban Tổng giám đốc cho rằng Công ty hầu như không chịu rủi ro về giá.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có một số khoản phải thu khách hàng tồn đọng nhiều năm không phát sinh. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cho rằng, hiện nay, Công ty có rủi ro tín dụng với các khách hàng trên. Để giảm thiểu rủi ro tín dụng thì các khoản nợ khó đòi đều được Công ty theo dõi, có biện pháp thu hồi cụ thể và lập dự phòng theo đúng quy định hiện hành. Đối với lĩnh vực đào tạo mầm non, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì học phí phải thu giá trị không lớn, phân bổ cho nhiều khách hàng và đều được thu tiền ngay.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	2.900.823.480	1.840.921.053	4.741.744.533
Phải trả người bán	4.645.714.751	-	4.645.714.751
Chi phí phải trả	26.957.844	-	26.957.844
Phải trả khác	989.228.001	-	989.228.001
Cộng	8.562.724.076	1.840.921.053	10.403.645.129
31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	989.473.684	1.840.921.053	2.830.394.737
Phải trả người bán	3.645.810.951	-	3.645.810.951
Chi phí phải trả	30.760.147	-	30.760.147
Phải trả khác	933.182.306	-	933.182.306
Cộng	5.599.227.088	1.840.921.053	7.440.148.141

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần theo thời hạn thanh toán như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

30/06/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.351.995.037	-	1.351.995.037
Phải thu khách hàng	1.862.566.770	-	1.862.566.770
Phải thu khác	186.498.307	-	186.498.307
Đầu tư tài chính	-	830.337.500	830.337.500
Tài sản tài chính khác	100.000.000	-	100.000.000
Cộng	3.501.060.114	830.337.500	4.331.397.614

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.161.595.048	-	1.161.595.048
Phải thu khách hàng	2.654.845.929	-	2.654.845.929
Phải thu khác	906.780.119	-	906.780.119
Đầu tư tài chính	-	1.039.614.020	1.039.614.020
Tài sản tài chính khác	50.000.000	-	50.000.000
Cộng	4.773.221.096	1.039.614.020	5.812.835.116

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6 tháng đầu năm 2014	Lĩnh vực giáo dục	Lĩnh vực thương mại	Tổng
CHỈ TIÊU	VND	VND	VND
Doanh thu bộ phận	4.330.124.229	5.355.411.129	9.685.535.358
Giá vốn hàng bán	3.426.736.577	4.704.811.421	8.131.547.998
Chi phí bán hàng	134.057.952	1.062.629.544	1.196.687.496
Chi phí quản lý doanh nghiệp	383.310.268	2.422.810.802	2.806.121.070
Lãi (lỗ) hoạt động kinh doanh	386.019.432	(2.834.840.638)	(2.448.821.206)
Doanh thu hoạt động tài chính	24.625.841	64.566.990	89.192.831
Chi phí hoạt động tài chính	724.449.639	56.855.598	781.305.237
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	(699.823.798)	7.711.392	(692.112.406)
Thu nhập khác	5.125.989	126.191.588	131.317.577
Chi phí khác	500.000	417.593.730	418.093.730
Lãi (lỗ) hoạt động khác	4.625.989	(291.402.142)	(286.776.153)
Lợi nhuận trước thuế	(309.178.377)	(3.118.531.388)	(3.427.709.765)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.155.853	-	13.155.853
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	390.494.413	390.494.413
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(322.334.230)	(3.509.025.801)	(3.831.360.031)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014	Lĩnh vực giáo dục	Lĩnh vực thương mại	Tổng
CHỈ TIÊU	VND	VND	VND
- Tài sản ngắn hạn	1.509.634.255	9.212.812.743	10.722.446.998
- Tài sản dài hạn	14.890.628.662	5.925.895.588	20.816.524.250
Tổng tài sản	16.400.262.917	15.138.708.331	31.538.971.248
- Nợ ngắn hạn	1.344.644.861	7.913.571.804	9.258.216.665
- Nợ dài hạn	1.840.921.053	395.817.360	2.236.738.413
Tổng nợ	3.185.565.914	8.309.389.164	11.494.955.078
Khấu hao	471.181.127	182.405.538	653.586.665
Tăng tài sản cố định trong kỳ	290.700.000	-	290.700.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6 tháng đầu năm 2013	Lĩnh vực giáo dục	Lĩnh vực sản xuất, thương mại	Tổng
CHỈ TIÊU	VND	VND	VND
Doanh thu bộ phận	3.548.676.000	8.724.322.586	12.272.998.586
Giá vốn hàng bán	2.642.012.052	7.435.463.941	10.077.475.993
Chi phí bán hàng	-	871.774.595	871.774.595
Chi phí quản lý doanh nghiệp	304.776.889	1.239.382.992	1.544.159.881
Lãi (lỗ) hoạt động kinh doanh	601.887.059	(822.298.942)	(220.411.883)
Doanh thu hoạt động tài chính	78.226.064	438.654.078	516.880.142
Chi phí hoạt động tài chính	367.699.243	194.966.772	562.666.015
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	(289.473.179)	243.687.306	(45.785.873)
Thu nhập khác	4.207.773	197.093.209	201.300.982
Chi phí khác	-	177.536.127	177.536.127
Lãi (lỗ) hoạt động khác	4.207.773	19.557.082	23.764.855
Lợi nhuận trước thuế	316.621.653	(559.054.554)	(242.432.901)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.051.943	10.689.577	32.741.520
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	6.486.106	6.486.106
Lợi nhuận sau thuế TNDN	294.569.710	(576.230.237)	(281.660.527)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	Lĩnh vực giáo dục	Lĩnh vực sản xuất, thương mại	Tổng
CHỈ TIÊU	VND	VND	VND
- Tài sản ngắn hạn	1.410.593.581	8.317.670.868	9.728.264.449
- Tài sản dài hạn	15.937.606.214	6.518.293.156	22.455.899.370
Tổng tài sản	17.348.199.795	14.835.964.024	32.184.163.819
- Nợ ngắn hạn	1.693.027.173	4.739.434.990	6.432.462.163
- Nợ dài hạn	1.840.921.053	-	1.840.921.053
Tổng nợ	3.533.948.226	4.739.434.990	8.273.383.216
Khấu hao	297.715.140	138.874.288	436.589.428
Tăng tài sản cố định trong năm	201.960.000	308.827.500	510.787.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

33. Các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên có liên quan trong kỳ

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Mua hàng			
Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc	Mua sách giáo khoa	1.175.104.206	3.809.814.170
Công ty Cổ phần ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Mua sách các loại	1.222.925.890	2.062.824.110

c. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty liên quan	Nội dung	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Sách và TBGD Miền Bắc	Phải trả người bán	457.959.602	-
	Ứng trước tiền hàng	-	1.781.600
Công ty Cổ phần ĐT&PT Giáo dục Hà Nội	Phải trả người bán	1.996.135.544	1.273.209.654

d. Thù lao Hội đồng quản trị, lương Ban Tổng Giám đốc

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Lương Ban Tổng Giám đốc	98.268.339	114.406.022
Thù lao Hội đồng quản trị	-	52.560.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính hợp nhất.

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2013. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này đã được kiểm toán vào soát xét bởi AAC.

Quyền Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hà

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 09 năm 2014

Nguyễn Thị Thu Hằng

Hồ Thị Hà